TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **08**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Ninh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Văn Khuyến**

Ông Ninh Quốc Hòa

- Thư ký phiên tòa: **Ông Vũ Đình Kiên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* **Ông Bùi Quang Thế** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2017/TLST - HNGĐ ngày 30/10/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/01/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Tạ Quang N**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Bị đơn: **Bà Hoàng Thị C**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Tạ Quang N trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Tạ Quang N và bà Hoàng Thị C tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu

đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là kinh tế gia đình và tình cãm vợ chồng, ông N không thể lo cho vợ được hạnh phúc, cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 09/2017 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, ông N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn với bà C

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống có 02 người con chung là cháu Tạ Thị Kim N, sinh ngày 24/6/2008 và cháu Tạ Quang B, sinh ngày 10/7/2010. Khi ly hôn các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị C có hộ khẩu thường trú tại Thôn 4, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước. Hiện nay bà C không thường xuyên có mặt tại địa phương nên Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các giấy tờ cho bà C. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bà C.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn ông Tạ Quang N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Hoàng Thị C theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Toà án nhân dân huyện Phú Riềng. Nguyên đơn ông Tạ Quang N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Hoàng Thị C mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Quang N và bà Hoàng Thị C tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2007. Việc kết hôn là đúng quy định tại Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tại thôn 4, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước thể hiện: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nội dung biên bản xác minh phù hợp với lời trình bày của ông N.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bị đơn bà C đều vắng mặt không có lý do, nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Chứng tỏ bà C đã từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án tiến hành việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng của không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Tạ Quang N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 người con chung là cháu Tạ Thị Kim N, sinh ngày 24/6/2008 và cháu Tạ Quang B, sinh ngày 10/7/2010. Khi ly hôn các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Quang N.

Xử cho ông Tạ Quang N được ly hôn với bà Hoàng Thị C.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Tạ Quang N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026120 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Quang Ninh